

NAZINC 15

CÔNG THỨC:

Kẽm gluconat

Tương đương Kẽm 15 mg

Tá dược..... vừa đủ 1 viên

(Tinh bột lúa mì, Lactose, Polyvinyl pyrrolidon, Bột Talc, Magnesi stearat, Silicon dioxyd dạng keo, Croscarmellose natri,...)

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén.

CHỈ ĐỊNH:

Bổ sung nhu cầu hàng ngày trong các trường hợp:

- + Trẻ em chậm tăng trưởng, còi xương.
- + Phụ nữ mang thai và cho con bú.
- + Chế độ ăn mất cân đối, ăn kiêng.
- + Tiêu chảy cấp và mãn tính.
- + Đàn ông trên 40 tuổi giúp tránh nguy cơ phì đại tuyến tiền liệt.

Điều trị thiếu kẽm:

*** Thiếu kẽm nhẹ trong các trường hợp:**

- + Nhiễm trùng tái phát ở đường hô hấp, tiêu hóa, bệnh ngoài da, kể cả mụn và rôm sảy
- + Rối loạn đường tiêu hóa, biếng ăn, ăn không tiêu.
- + Trẻ em suy nhược về thể chất và tinh thần, khó ngủ, khóc đêm.
- + Các trường hợp suy nhược cơ thể.

*** Các trường hợp thiếu kẽm nặng:**

- + Mụn trứng cá lâu năm.
- + Các tổn thương ngoài da: viêm da đầu chi do bệnh đường ruột, da bị sừng hóa, khô ráp, dễ dị ứng, chàm, da đầu nhiều gàu.
- + Loạn dưỡng móng: móng có bột trắng, lâu mọc móng.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Nên dùng thuốc sau khi ăn.

* **Liều bổ sung hàng ngày:** tùy theo từng lứa tuổi, bổ sung kẽm theo bảng dưới đây:

Đối tượng	Tuổi	Nhu cầu kẽm
Sơ sinh	< 1 tuổi	5 mg
Trẻ em	1-10 tuổi	5 mg - 10 mg
Nam	≥ 11 tuổi	15 mg
Nữ	≥ 11 tuổi	12 mg
Phụ nữ mang thai và cho con bú		20 mg - 25 mg

***Liều đề nghị:**

- Mụn trứng cá: uống mỗi lần 1 viên, ngày 3 lần.
- Viêm da đầu chi: uống mỗi lần 1 viên, ngày 2 lần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

NHỮNG LƯU Ý ĐẶC BIỆT VÀ CẢNH BÁO KHI SỬ DỤNG THUỐC:

Nên uống thuốc cách xa các thuốc tetracyclin, penicillamin, fluroquinolon, thuốc có chứa sắt, đồng.

TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC, CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC:

- Không dùng phối hợp với tetracyclin hay các thuốc có chứa sắt, thuốc chữa bệnh dạ dày dạng nhũ dịch do sẽ tạo một phức chất làm giảm hấp thu thuốc ở ống tiêu hóa.
- Dùng đồng thời với penicillamin, fluroquinolon, tetracyclin, thuốc có chứa sắt, đồng có thể làm giảm tác dụng của các thuốc này.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc không gây ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Có thể khó chịu ở dạ dày, tuy nhiên không nặng và chóng qua. Nên dùng thuốc sau khi ăn để hạn chế tác dụng không mong muốn này.

Thông báo ngay cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

THỜI KỲ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ:

Bổ sung nhu cầu hàng ngày theo chỉ định của bác sĩ.

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:

Có thể gây nôn.

Xử trí bằng cách dùng EDTA Ca hoặc acid phytique để giải độc.

ĐÓNG GÓI: Vỉ 10 viên – Hộp 10 vỉ.

Chai 100 viên – Hộp 01 chai.

BẢO QUẢN: Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

HẠN DÙNG: 48 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: TCCS.

Để xa tầm tay của trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
Lô III-18 đường 13, KCN Tân Bình, Q.Tân Phú, Tp.HCM

MEBIPHAR